

# **Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**

Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2023

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6 - 7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 49



# Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST theo Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Lê Đức Long	Thành viên
Ông Kim Hongjin	Thành viên
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên

# Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2023

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.



# Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2023 của Công ty cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2023 kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2023 kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2023 của Công ty và các công ty con ("báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2023") đề ngày 30 tháng 01 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2023 nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2023 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 01 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>218.951.898.065</b>	<b>186.218.586.258</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>33.323.759.442</b>	<b>20.158.378.184</b>
111	1. Tiền		33.318.099.373	20.152.124.025
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.660.069	6.254.159
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>148.800.000.000</b>	<b>70.800.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		148.800.000.000	70.800.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>27.426.169.287</b>	<b>86.178.597.588</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	14.228.811.567	18.401.903.168
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	1.585.085.480	3.061.511.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	2.000.000.000	51.277.848.500
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	9.612.272.240	13.437.334.920
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>6.808.154.228</b>	<b>6.935.415.372</b>
141	1. Hàng tồn kho		6.808.154.228	6.935.415.372
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.593.815.108</b>	<b>2.146.195.114</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.341.119.490	957.739.712
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	1.252.482.618	1.188.118.402
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	213.000	337.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>401.695.564.595</b>	<b>372.641.674.083</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	<b>1.435.658.341</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	-	1.435.658.341
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>21.384.841.048</b>	<b>25.641.691.524</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	21.384.841.048	25.606.891.524
222	Nguyên giá		83.892.872.850	78.551.831.215
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(62.508.031.802)	(52.944.939.691)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	-	34.800.000
228	Nguyên giá		492.742.000	492.742.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(492.742.000)	(457.942.000)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>379.228.129.356</b>	<b>344.795.138.056</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		267.359.997.356	237.389.997.356
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		106.406.000.000	96.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.405.140.700	6.405.140.700
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(943.008.700)	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.000.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.082.594.191</b>	<b>769.186.162</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.082.594.191	769.186.162
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>620.647.462.660</b>	<b>558.860.260.341</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>39.011.637.287</b>	<b>40.829.703.579</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>36.811.637.287</b>	<b>40.829.703.579</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	14.574.774.055	17.852.722.398
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.118.000	1.688.871.795
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.523.362.303	3.639.304.115
314	4. Phải trả người lao động		12.673.791.000	8.542.148.968
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	231.276.340	540.594.872
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.274.324.619	1.014.539.867
320	7. Vay ngắn hạn	19	1.800.000.000	5.882.456.175
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.728.990.970	1.669.065.389
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.200.000.000</b>	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	2.200.000.000	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>20</b>	<b>581.635.825.373</b>	<b>518.030.556.762</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>581.635.825.373</b>	<b>518.030.556.762</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		131.635.825.373	68.030.556.762
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		68.030.556.762	34.985.219.578
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay		63.605.268.611	33.045.337.184
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>620.647.462.660</b>	<b>558.860.260.341</b>

Trần Văn Hưng  
Người lập

Đào Ngọc Thiết  
Kế toán trưởng

Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 01 năm 2024

# Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý 4 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4/2023	Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2022
			Đơn vị tính: VND			
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	69.410.437.779	66.562.764.386	281.011.920.999	219.828.069.537
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	69.410.437.779	66.562.764.386	281.011.920.999	219.828.069.537
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(29.522.920.190)	(28.501.796.709)	(120.794.244.888)	(95.633.779.942)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.887.517.589	38.060.967.677	160.217.676.111	124.194.289.595
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	27.618.845.120	1.761.653.194	40.177.363.776	6.559.197.836
22	7. Chi phí tài chính	23	(1.013.531.214)	597.149.129	(1.346.203.494)	213.708.969
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		(1.753.425)	(109.729.320)	(227.504.490)	(801.219.986)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(20.136.613.031)	(15.926.580.955)	(82.467.315.733)	(58.923.674.418)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(9.600.879.597)	(10.537.267.930)	(40.230.626.504)	(33.233.735.153)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.755.338.867	13.955.921.115	76.350.894.156	38.809.786.829
31	11. Thu nhập khác	26	94.797.798	107.416.737	221.535.513	225.772.169
32	12. Chi phí khác	26	(138.819.399)	(15.272.727)	(428.509.084)	(97.697.691)
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	26	(44.021.601)	92.144.010	(206.973.571)	128.074.478
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.711.317.266	14.048.065.125	76.143.920.585	38.937.861.307

# Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý 4 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4/2023	Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2022
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(2.259.669.173)	(2.818.480.166)	(8.958.726.393)	(4.722.471.051)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		34.451.648.093	11.229.584.959	67.185.194.192	34.215.390.256



Trần Văn Hưng  
Người lập

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 01 năm 2024

Đào Ngọc Thiết  
Kế toán trưởng

Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>76.143.920.585</b>	<b>38.937.861.307</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	12,13	10.577.920.468	12.249.648.507
03	Các khoản dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng)		943.008.700	(1.070.884.700)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		41.988.938	19.131.135
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(40.204.962.978)	(6.643.627.649)
06	Chi phí lãi vay	23	227.504.490	801.219.986
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>47.729.380.203</b>	<b>44.293.348.586</b>
09	Tăng các khoản phải thu		10.712.675.404	11.704.129.902
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		127.261.144	(3.290.633.584)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(3.099.831.554)	9.833.499.426
12	Tăng chi phí trả trước		(696.787.807)	(247.273.066)
14	Tiền lãi vay đã trả		(334.406.756)	(854.756.615)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.121.528.271)	(3.349.199.289)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.146.000.000)	(165.000.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>45.170.762.363</b>	<b>57.924.115.360</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(7.844.981.115)	(6.221.218.180)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	485.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(125.260.341.096)	(42.800.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		101.538.189.596	56.728.151.500
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(40.376.000.000)	(38.990.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		41.862.196.623	6.366.946.733
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(30.080.935.992)</b>	<b>(24.431.119.947)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
33	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền thu từ đi vay		4.000.000.000	31.458.944.193
	Tiền trả nợ gốc vay		(5.882.456.175)	(47.233.108.410)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(1.882.456.175)</b>	<b>(15.774.164.217)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>13.207.370.196</b>	<b>17.718.831.196</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>20.158.378.184</b>	<b>2.458.678.123</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(41.988.938)	(19.131.135)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>33.323.759.442</b>	<b>20.158.378.184</b>

Trần Văn Hưng  
Người lập

Đào Ngọc Thiết  
Kế toán trưởng

Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 01 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST theo Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 376 người (ngày 01 tháng 01 năm 2023: 346 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 7 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng (“Công ty Taseco Đà Nẵng”)	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn (“Công ty Taseco Sài Gòn”)	65%	65%	57 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ, dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm, dịch vụ đón tiễn, đại lý du lịch và điều hành tua du lịch, đại lý thu đổi ngoại tệ, dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng (“Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng”)	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 7 công ty con, bao gồm: (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco (“Công ty Taseco Media”)	99,9%	99,9%	Tầng 1 tòa N02-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo, viễn thông, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống.
5	Công Ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco (“Công ty Jalux Taseco”)	51%	51%	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bán hàng miễn thuế, các dịch vụ phụ trợ khác.
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Phú Quốc (“Công ty Taseco Phú Quốc”)	65%	65%	SS26-S06 Khu du lịch Sonasea villas & Resort, Xã Dương Tơ, TP Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh (“Công ty Hà Linh”)	51%	51%	Tầng 3, Nhà ga T1, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, và các dịch vụ liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này. Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vào ngày 30 tháng 01 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

### **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	5 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty, Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty, Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.13 Phân chia lợi nhuận** (tiếp theo)

Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quý khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế của mỗi hợp đồng.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.15 Thuế** (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại* (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

**4.1 *Mua cổ phần công ty con***

Theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 3 năm 2023. Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án mua thêm 2.997.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng trong đợt phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ. Vào ngày 22 tháng 3 năm 2023. Công ty đã hoàn tất việc mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng. Việc mua thêm này không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng.

**4.2 *Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty liên kết***

Theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 4 năm 2023. Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án nhận chuyển nhượng 946.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam từ Ông Dương Tiến Nghĩa với giá 11.000VND/cổ phần tương đương với tổng giá trị chuyển nhượng là 10.546.000.000 VND. Theo đó, việc nhận chuyển nhượng thêm cổ phần này đã làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết tại Công ty liên kết này từ 26,67% lên 29,29%. Vào ngày 1 tháng 7 năm 2023, giao dịch này đã được hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Tiền mặt	1.621.997.956	1.964.648.078
Tiền gửi ngân hàng	31.696.101.417	18.187.475.947
Các khoản tương đương tiền (*)	5.660.069	6.254.159
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.323.759.442</b>	<b>20.158.378.184</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền khác cuối kỳ là khoản tiền gửi không kỳ hạn tại một công ty chứng khoán.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Tiền gửi ngân hàng (*)	148.800.000.000	70.800.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>148.800.000.000</b>	<b>70.800.000.000</b>

(\*) Số cuối kỳ là khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc từ trên 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,9% đến 6,2%/năm (tại 31 tháng 12 năm 2022 từ 4,4% đến 6,7%/năm).

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	3.229.925.000	7.964.202.777
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	6.105.616.000	4.659.774.667
Công ty TNHH nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	1.639.940.731	1.349.100.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.397.559.801	897.087.541
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.855.770.035	3.531.738.183
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.228.811.567</b>	<b>18.401.903.168</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
Công ty Cổ Phần TNT Việt Nam	164.025.000	-
Công ty TNHH Xây dựng và Hoàn thiện Nội thất Milaco	304.014.025	-
Công ty TNHH Phát Triển Xây Dựng và Thương Mại	997.500.000	-
Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - CN Tổng Công ty Cảng HK VN-CTCP	-	2.362.935.891
Các khoản trả trước khác	119.546.455	698.575.109
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.585.085.480</b>	<b>3.061.511.000</b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
Phải thu về cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	2.000.000.000	51.277.848.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>51.277.848.500</b>

Chi tiết các khoản cho vay như sau:

Bên đi vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Thời gian trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Oceanview Đà Nẵng	VND 2.000.000.000	Lãi và gốc trả khi đáo hạn. Khoản vay cuối cùng vào ngày 13 tháng 01 năm 2024	8%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.000.000.000</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	3.808.383.644	6.188.055.620
Dự thu lãi tiền gửi, trái phiếu ngân hàng	4.559.794.660	2.896.193.131
Phải thu ngắn hạn khác	1.121.442.391	674.094.035
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	122.651.545	3.678.992.134
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.612.272.240</b>	<b>13.437.334.920</b>
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc thuê mặt bằng, mua hàng hóa	-	1.435.658.341
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>1.435.658.341</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>		<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa, nguyên vật liệu	6.644.788.700	-	6.742.633.862	-
Công cụ, dụng cụ	163.365.528	-	192.781.510	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.808.154.228</b>	<b>-</b>	<b>6.935.415.372</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	183.139.294	248.138.343
Chi phí bảo hiểm tài sản	115.071.328	115.173.994
Chi phí sửa chữa	172.776.422	69.294.523
Chi phí đồng phục	604.893.309	267.302.369
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	265.239.137	257.830.483
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.341.119.490</b>	<b>957.739.712</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	298.648.281	372.434.403
Chi phí sửa chữa	206.287.735	123.223.047
Phí phát hành bảo lãnh	305.910.283	249.056.404
Chi phí trả trước dài hạn khác	271.747.892	24.472.308
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.082.594.191</b>	<b>769.186.162</b>

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	48.736.082.494	4.259.445.267	24.245.581.817	1.310.721.637	78.551.831.215
Mua trong kỳ	-	269.720.000	5.878.757.090	394.990.000	6.543.467.090
Thanh lý nhượng bán	-	-	(1.202.425.455)	-	(1.202.425.455)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	48.736.082.494	4.529.165.267	28.921.913.452	1.705.711.637	83.892.872.850
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	25.179.095.636	4.073.583.903	397.490.909	1.170.276.182	30.820.446.630
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	34.871.207.095	4.143.504.345	12.751.809.054	1.178.419.197	52.944.939.691
- Khấu hao trong kỳ	7.489.165.807	100.952.582	2.873.544.373	79.457.706	10.543.120.468
- Thanh lý nhượng bán	-	-	(980.028.357)	-	(980.028.357)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	42.360.372.902	4.244.456.927	14.645.325.070	1.257.876.903	62.508.031.802
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	13.864.875.399	115.940.922	11.493.772.763	132.302.440	25.606.891.524
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	6.375.709.592	284.708.340	14.276.588.382	447.834.734	21.384.841.048

Một số phương tiện vận tải của Công ty với tổng giá trị còn lại là 5,8 tỷ VND đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Phần mềm</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	425.150.000	67.592.000	492.742.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>425.150.000</u>	<u>67.592.000</u>	<u>492.742.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	425.150.000	67.592.000	492.742.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	390.350.000	67.592.000	457.942.000
- Hao mòn trong kỳ	<u>34.800.000</u>	-	<u>34.800.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>425.150.000</u>	<u>67.592.000</u>	<u>492.742.000</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	<u>34.800.000</u>	-	<u>34.800.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

# Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

## 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 01 tháng 01 năm 2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	267.359.997.356	-	237.389.997.356	-
Đầu tư vào công ty liên kết	106.406.000.000	-	96.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.405.140.700	(943.008.700)	6.405.140.700	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	5.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>380.171.138.056</b>	<b>(943.008.700)</b>	<b>344.795.138.056</b>	-

Đơn vị tính: VND

### 14.1 Đầu tư vào công ty con

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 01 tháng 01 năm 2023	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ/Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ/Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị phòng hợp lý (*)
Công ty Taseco Đà Nẵng (**)	99,9%	99,9%	49.950.000.000	(*)
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	100%	100%	105.000.000.000	(*)
Công ty Taseco Sài Gòn	65%	65%	6.500.000.000	(*)
Công ty Taseco Media	99,9%	99,9%	444.427.614	(*)
Công ty Jalux Taseco	51%	51%	73.975.569.742	(*)
Công ty Taseco Phú Quốc	65%	65%	6.500.000.000	(*)
Công ty Hà Linh	51%	51%	24.990.000.000	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>267.359.997.356</b>	<b>237.389.997.356</b>

Đơn vị tính: VND

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.



# Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

## 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 14.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(\*\*) Theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 3 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án mua thêm 2.997.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng trong đợt phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ. Vào ngày 22 tháng 3 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng. Việc mua thêm này không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng.

### 14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty trong công ty liên kết này như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2023			Ngày 01 tháng 01 năm 2023			Đơn vị tính: VND
			Giá gốc (VND)	Dự phòng	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị hợp lý	Giá gốc (VND)	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("Công ty VinaCS") (**)	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không và các dịch vụ phụ trợ khác.	106.406.000.000	-	29,29%	(*)	-	96.000.000.000	26,67% (*)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>106.406.000.000</b>	<b>-</b>			<b>96.000.000.000</b>		

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty liên kết này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 4 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án nhận chuyển nhượng 946.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam từ Ông Dương Tiến Nghĩa với giá 11.000VND/cổ phần tương đương với tổng giá trị chuyển nhượng là 10.546.000.000 VND. Theo đó, việc nhận chuyển nhượng thêm cổ phần này đã làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết tại Công ty liên kết này từ 26,67% lên 29,29%. Vào ngày 1 tháng 7 năm 2023, giao dịch này đã được hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 01 tháng 01 năm 2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	6.405.140.700	(943.008.700)	6.405.140.700	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.405.140.700</b>	<b>(943.008.700)</b>	<b>6.405.140.700</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản đầu tư góp vốn vào một công ty kinh doanh các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không.

Chi tiết khoản dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Đơn vị tính: VND			
Số đầu năm	-	-	1.070.884.700	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	943.008.700	-	-	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-	(1.070.884.700)	-
Số cuối kỳ	943.008.700	-	-	-

**14.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 01 tháng 01 năm 2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	Đơn vị tính: VND			
Đầu tư trái phiếu	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</u>		<u>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Nội	-	-	1.152.754.300	1.152.754.300
Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - CN Tổng Công ty Cảng HK VN-CTCP	3.315.848.656	3.315.848.656	-	-
Công ty TNHH Thực Phẩm Sạch Nội Toàn	1.198.948.040	1.198.948.040	-	-
Phải trả đối tượng khác	6.467.194.532	6.467.194.532	9.423.698.677	9.423.698.677
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>3.592.782.827</u>	<u>3.592.782.827</u>	<u>7.276.269.421</u>	<u>7.276.269.421</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.574.774.055</u></b>	<b><u>14.574.774.055</u></b>	<b><u>17.852.722.398</u></b>	<b><u>17.852.722.398</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<b>Phải nộp</b>			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.422.471.051	8.958.726.393	(8.121.528.271)	2.259.669.173
Thuế thu nhập cá nhân	273.746.000	685.933.008	(901.593.008)	58.086.000
Thuế giá trị gia tăng	1.943.087.064	11.581.712.153	(13.319.192.087)	205.607.130
Các loại thuế khác	-	10.000.000	(10.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.639.304.115</u></b>	<b><u>21.236.371.554</u></b>	<b><u>(22.352.313.366)</u></b>	<b><u>2.523.362.303</u></b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	337.000	62.000	(186.000)	213.000
Thuế giá trị gia tăng	1.188.118.402	128.579.881	(64.215.665)	1.252.482.618
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.188.455.402</u></b>	<b><u>128.641.881</u></b>	<b><u>(64.401.665)</u></b>	<b><u>1.252.695.618</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Chi phí kiểm toán	211.111.111	180.555.555
Thuê kho, mặt bằng quầy hàng	-	354.967.459
Các khoản khác	20.165.229	5.071.858
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>231.276.340</u></b>	<b><u>540.594.872</u></b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	210.000.000	215.000.000
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	119.690.664	173.174.019
Các khoản phải trả khác	570.633.955	626.365.848
Phải trả khác các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	374.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.274.324.619</u></b>	<b><u>1.014.539.867</u></b>



# Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

## 19. VAY

Thuyết minh	Ngày 01 tháng 01 năm 2023		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>5.882.456.175</b>	<b>5.882.456.175</b>	<b>16.800.000.000</b>	<b>(20.882.456.175)</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>	
Vay ngân hàng	3.070.456.175	3.070.456.175	-	(3.070.456.175)	-	-	
Vay tổ chức, cá nhân	2.812.000.000	2.812.000.000	15.000.000.000	(17.812.000.000)	-	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	1.800.000.000	-	1.800.000.000	1.800.000.000	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>(1.800.000.000)</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>2.200.000.000</b>	
Vay ngân hàng	-	-	4.000.000.000	(1.800.000.000)	2.200.000.000	2.200.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.882.456.175</b>	<b>5.882.456.175</b>	<b>20.800.000.000</b>	<b>(22.682.456.175)</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	

### 19.1 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

Ngân hàng cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND	VND			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	4.000.000.000		Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Trả gốc vay từng lần vào ngày kết thúc từng quý và thời gian trả gốc cuối cùng tháng 12 năm 2025.	8%	Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01/2024/7980289/HĐĐĐ giữa BIDV-CN Hà Nội với Taseco Airs.

### TỔNG CỘNG

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	1.800.000.000
Vay dài hạn	2.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.000.000.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn cổ phần đã phát hành</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>  <i>Tổng cộng</i>
<b>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	450.000.000.000	35.066.203.031	485.066.203.031
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	34.215.390.256	34.215.390.256
- Trích quỹ khen thưởng	-	(1.014.053.072)	(1.014.053.072)
- Giảm khác	-	(236.983.453)	(236.983.453)
	<u>450.000.000.000</u>	<u>68.030.556.762</u>	<u>518.030.556.762</u>
<b>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	450.000.000.000	68.030.556.762	518.030.556.762
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	67.185.194.192	67.185.194.192
- Trích quỹ khen thưởng	-	(3.267.925.581)	(3.267.925.581)
- Thù lao Hội đồng quản trị	-	(312.000.000)	(312.000.000)
	<u>450.000.000.000</u>	<u>131.635.825.373</u>	<u>581.635.825.373</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 01 tháng 01 năm 2023		Đơn vị tính: VND	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số		Cổ phiếu thường
Taseco Group	229.500.000.000	229.500.000.000	-	229.500.000.000	229.500.000.000	-
Cổ đông khác	220.500.000.000	220.500.000.000	-	220.500.000.000	220.500.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>450.000.000.000</b>
Số đầu năm	450.000.000.000	450.000.000.000
Số cuối kỳ	<u>450.000.000.000</u>	<u>450.000.000.000</u>
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-

**20.4 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>45.000.000</b>	<b>45.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>45.000.000</b>	<b>45.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>45.000.000</b>	<b>45.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (01 tháng 01 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).



## Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU	Đơn vị tính: VND		
	Quý 4/2023	Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2023
<b>21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2022
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>69.410.437.779</b>	<b>66.562.764.386</b>	<b>281.011.920.999</b>
Trong đó:			
Doanh thu bán hàng	27.898.092.806	23.080.452.818	100.048.056.056
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.512.344.973	43.482.311.568	180.963.864.943
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>69.410.437.779</b>	<b>66.562.764.386</b>	<b>281.011.920.999</b>
Trong đó:			
Doanh thu thuần từ bán hàng	27.898.092.806	23.080.452.818	100.048.056.056
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	41.512.344.973	43.482.311.568	180.963.864.943
Trong đó:			
Doanh thu đối với bên khác	64.219.034.812	63.934.910.172	262.206.919.181
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	5.191.402.967	2.627.854.214	18.805.001.818
<b>21.2 Doanh thu hoạt động tài chính</b>			
	Quý 4/2023	Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2023
Lãi cho vay, tiền gửi, trái phiếu	2.053.841.420	1.771.585.037	8.370.210.076
Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá	3.700	(9.931.843)	3.700
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các Công ty con	25.565.000.000	-	31.807.150.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.618.845.120</b>	<b>1.761.653.194</b>	<b>40.177.363.776</b>
			Đơn vị tính: VND
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2022
			6.559.197.836
			<b>6.559.197.836</b>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Quý 4/2023	Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2022	Đơn vị tính: VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	9.342.169.447	8.989.792.878	34.442.008.629	27.384.219.257	
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	20.180.750.743	19.512.003.831	86.352.236.259	68.249.560.685	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.522.920.190</b>	<b>28.501.796.709</b>	<b>120.794.244.888</b>	<b>95.633.779.942</b>	

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý 4/2023	Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2022	Đơn vị tính: VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	68.769.089	35.182.251	175.690.304	55.955.745	
Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	943.008.700	(742.060.700)	943.008.700	(1.070.884.700)	
Chi phí lãi vay	1.753.425	109.729.320	227.504.490	801.219.986	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.013.531.214</b>	<b>(597.149.129)</b>	<b>1.346.203.494</b>	<b>(213.708.969)</b>	

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

### 24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4/2023	Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2022	Đơn vị tính: VND
<b>Chi phí bán hàng</b>					
Chi phí nhân công	7.139.168.279	7.867.637.691	32.632.739.849	23.716.574.212	
Chi phí thuê kho, mặt bằng	9.047.470.730	3.246.580.168	31.369.796.244	15.956.143.036	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.832.921.135	2.046.317.283	9.120.525.627	8.603.138.341	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	620.196.899	810.633.737	2.785.528.911	2.819.696.703	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.365.309.988	1.817.890.622	5.833.271.673	7.282.908.152	
Chi phí bán hàng khác	131.546.000	137.521.454	725.453.429	545.213.974	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.136.613.031</b>	<b>15.926.580.955</b>	<b>82.467.315.733</b>	<b>58.923.674.418</b>	
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>					
Chi phí nhân công	5.866.045.448	6.107.237.787	24.694.954.818	20.171.336.520	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.513.832.725	2.690.663.870	10.875.333.969	8.382.725.898	
Chi phí thuê kho, mặt bằng	594.840.000	1.088.661.611	2.390.040.000	2.681.631.613	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	196.128.890	77.379.388	411.907.722	319.057.346	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	175.389.696	208.467.562	655.588.385	811.028.266	
Chi phí quản lý khác	254.642.838	364.857.712	1.202.801.610	867.955.510	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.600.879.597</b>	<b>10.537.267.930</b>	<b>40.230.626.504</b>	<b>33.233.735.153</b>	

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

### 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 4/2023	Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2022	Đơn vị tính: VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.565.398.419	21.716.261.379	86.275.334.482	71.953.127.047	
Chi phí nhân công	15.754.024.112	16.608.554.766	68.924.531.332	52.231.932.075	
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.546.359.277	3.108.207.224	10.577.920.468	12.249.648.507	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.989.422.655	8.638.401.280	34.342.012.797	31.091.727.751	
Chi phí thuê mặt bằng	12.008.769.517	4.378.141.779	41.375.883.007	18.809.374.649	
Chi phí khác	396.438.838	516.079.166	1.996.505.039	1.455.379.484	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>59.260.412.818</b>	<b>54.965.645.594</b>	<b>243.492.187.125</b>	<b>187.791.189.513</b>	

### 26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý 4/2023	Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2022	Đơn vị tính: VND
<b>Thu nhập khác</b>					
Thanh lý tài sản cố định, CCDC	27.602.902	57.333.507	27.602.902	84.429.813	
Thu nhập khác	67.194.896	50.083.230	193.932.611	141.342.356	
	<b>94.797.798</b>	<b>107.416.737</b>	<b>221.535.513</b>	<b>225.772.169</b>	
<b>Chi phí khác</b>					
Thanh lý tài sản cố định, CCDC	-	-	5.123.756	15.350.298	
Chi phí khác	138.819.399	15.272.727	423.385.328	82.347.393	
	<b>138.819.399</b>	<b>15.272.727</b>	<b>428.509.084</b>	<b>97.697.691</b>	
<b>(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC THUẬN</b>	<b>(44.021.601)</b>	<b>92.144.010</b>	<b>(206.973.571)</b>	<b>128.074.478</b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.958.726.393	4.722.471.051
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.958.726.393</b>	<b>4.722.471.051</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.143.920.585	38.937.861.307
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	15.228.784.117	7.787.572.261
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái kỳ này	8.397.788	3.826.227
Chi phí không được trừ thuế khác	82.974.488	19.538.968
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.361.430.000)	-
Lỗi được kết chuyển	-	(3.088.466.405)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>8.958.726.393</b>	<b>4.722.471.051</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco (“Taseco Group”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng (“Công ty Taseco Đà Nẵng”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn (“Công ty Taseco Sài Gòn”)	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng (“Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco (“Công ty Taseco Media”)	Công ty con
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco (“Công ty Jalux Taseco”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Phú Quốc (“Công ty Taseco Phú Quốc”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh (“Công ty Hà Linh”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty liên kết
PENM IV Germany GmbH & Co, KG Company	Công ty sở hữu 10% trên vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco (“Công ty Taseco Land”)	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế (“Công ty Quản lý Bất động sản Quốc tế”)	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ (“Công ty Phú Mỹ”)	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4 (“Công ty ICON4”)	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Sinh thái Quốc tế (“Công ty Du lịch Quốc tế”)	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Taseco Invest (“Công ty Taseco Invest”)	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam (“Công ty Bao bì”)	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Alacarte Hạ Long (“Công ty Alacarte Hạ Long”)	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Yên Bình (“Công ty Yên Bình”)	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư TAH	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Xây dựng IKCONS (“Công ty IKCONS”)	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng không AAL	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Bất động sản Trảng An	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Thương mại Hải Hà	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Hồ Tây	Công ty cùng Tập đoàn Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc
Ông Lasr Kjaer	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Đức Long	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Kim Hongjin	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Loan	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đào Ngọc Thiết	Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Taseco Group	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	155.947.338	121.946.926
		Chi phí lãi vay	-	9.945.205
		Phải trả tiền chuyển nhượng cổ phần	-	24.990.000.000
		Chuyển tiền chuyển nhượng cổ phần	-	24.990.000.000
		Thanh toán tiền vay	-	1.200.000.000
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Cho vay	3.000.000.000	5.500.000.000
		Thu hồi cho vay	5.000.000.000	1.500.000.000
		Doanh thu dịch vụ	9.737.375	-
		Lãi cho vay	355.780.821	78.378.081
		Thu hồi lãi cho vay	329.260.274	-
		Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	42.000.000	-
		Phải trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	84.000.000	-
		Mua hàng hóa dịch vụ	257.447.055	230.046.998
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	266.819.402	84.443.908
		Mua dịch vụ hàng hóa	2.126.702.543	1.735.087.907
		Cho vay	7.500.000.000	26.000.000.000
		Thu hồi cho vay	47.444.000.000	10.000.000.000
		Chuyển tiền mua cổ phần	29.970.000.000	-
		Cổ tức đã nhận	14.985.000.000	-
		Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	153.000.000	-
		Lãi cho vay	946.652.388	1.849.501.715
		Thu hồi tiền lãi cho vay	3.569.265.281	-
Công ty Taseco Media	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	9.135.091.832	10.961.823.718
		Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	71.000.000	-
		Phải trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	225.000.000	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.351.311.829	779.231.042
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.395.967.245	21.112.770
		Mua hàng hóa dịch vụ	1.390.383.441	626.320.780
		Lãi cho vay	212.256.828	461.474.676
		Thu hồi tiền lãi cho vay	964.602.558	-
		Thu hồi tiền cho vay	7.333.848.500	3.728.151.500
		Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	55.000.000	-
		Cổ tức đã nhận	6.500.000.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Jalux Taseco	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.530.607	218.183.815
		Cổ tức đã nhận	5.592.150.000	-
		Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	93.000.000	-
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Cho vay	-	32.000.000.000
		Thu hồi khoản cho vay	-	32.000.000.000
		Lãi cho vay	-	152.547.944
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.158.216.230	1.067.115.450
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.069.274	34.265.727
		Đi vay	-	1.200.000.000
		Chi phí lãi vay	-	17.630.137
		Góp vốn	-	8.000.000.000
Công ty Taseco Land	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	356.632.430	331.613.760
		Thu nhập bán thanh lý TSCĐ	-	485.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Nhà ga Quốc Tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.123.281	72.896.466
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	171.623.532	136.826.608
Công ty Quản lý Bất động sản Quốc Tế	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.250.415	7.823.325
		Mua hàng hóa, dịch vụ	92.121.816	54.848.184
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Chuyển tiền góp vốn	-	6.000.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.282.274.642	2.120.118.473
		Mua hàng hóa, dịch vụ	754.669.543	667.397.118
		Cổ tức lợi nhuận đã nhận	650.000.000	-
		Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	27.000.000	-
		Phải trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	65.000.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Hà Linh	Công ty con từ ngày 01 tháng 07 năm 2022	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Cổ tức đã nhận Chuyển trả tiền quỹ khen thưởng phúc lợi	6.330.710.065 1.829.833.560 4.080.000.000 30.000.000	4.069.961.885 641.498.635 - -
Công ty Alacarte Hạ Long	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ Doanh thu dịch vụ	1.660.134.321 5.454.546	- 11.851.852
Công ty Phú Mỹ	Công ty cùng tập đoàn	Thanh toán gốc vay Lãi vay phải trả	- -	2.500.000.000 38.801.369
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	212.717.228 25.500.000	330.480.071 40.000.000
Các bên liên quan khác	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Trả tiền đi vay	21.832.609 -	97.442.961 1.300.000.000

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng, cung cấp dịch vụ và mua hàng, sử dụng dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 01 tháng 01 năm 2023: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà các bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</b>				
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	86.997.386
Taseco Group	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.014.278	3.713.244
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.688.250	23.950.000
Công ty Taseco Land	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.837.700	43.060.550
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	400.000	19.900.000
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	496.354.371	17.665.992
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	632.456.630	124.180.075
Công ty Hà Linh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	640.108.806	3.177.700.936
Công ty Quản lý Bất động sản Quốc Tế	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.400.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.600.000
Công ty Alacarte Hạ Long	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	9.200.000
Công ty Taseco Invest	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.910.000	-
Các cá nhân liên quan khác	Người liên quan	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	20.370.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.855.770.035</b>	<b>3.531.738.183</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty Taseco	Công ty con	Cho vay	-	39.944.000.000
Đà Nẵng				
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Cho vay	-	7.333.848.500
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Cho vay	2.000.000.000	4.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.000.000.000</b>	<b>51.277.848.500</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</b>				
Công ty Taseco	Công ty con	Lãi cho vay phải thu	82.410.958	55.890.411
Oceanview Đà Nẵng				
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Lãi cho vay phải thu	-	2.622.612.893
		Phải thu khác	-	4.664.000
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Lãi cho vay phải thu	-	752.345.730
		Phải thu khác	17.698.254	-
Công ty Hà Linh	Công ty con	Phải thu khác	-	207.710.100
Công ty Taseco Media	Công ty con	Phải thu khác	-	35.769.000
Các cá nhân liên quan khác		Phải thu khác	22.542.333	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>122.651.545</b>	<b>3.678.992.134</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</b>				
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.628.742.490	1.437.032.546
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	11.400.000	-
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.153.696.302	742.180.247
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	100.222.655	90.111.014
Công ty Taseco Media	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	539.257.235	5.006.945.614
Công ty Alacarte Hạ Long	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	148.140.000	-
Công ty Quản lý Bất động sản Quốc Tế	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	6.235.672	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng không AAL	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	5.088.473	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>3.592.782.827</b>	<b>7.276.269.421</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

***Phải trả khác ngắn hạn (Thuyết minh số 18)***

Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Phải trả tiền quỹ khen thưởng	65.000.000	-
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Phải trả tiền quỹ khen thưởng	84.000.000	-
Công ty Taseco Media	Công ty con	Phải trả tiền quỹ khen thưởng	225.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>374.000.000</b>	<b>-</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Nghiệp vụ với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:  
Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2022
Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	72.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	60.000.000	30.000.000
Ông Lê Anh Quốc	/Tổng giám đốc	946.145.000	765.207.000
Ông Lasr Kjaer	Thành viên Hội đồng quản trị	60.000.000	30.000.000
Ông Lê Đức Long	Thành viên Hội đồng quản trị	60.000.000	30.000.000
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên Hội đồng quản trị	60.000.000	30.000.000
Ông Vũ Minh Tuấn (*)	Phó Tổng giám đốc	-	701.895.000
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	656.089.000	528.943.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng giám đốc	797.515.000	660.527.000
Bà Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng giám đốc	802.253.000	659.443.000
Bà Trần Thị Loan	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000	18.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000	18.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>3.646.002.000</u></b>	<b><u>3.538.015.000</u></b>

(\*) Miễn nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2023

**29. CÁC CAM KẾT**

***Thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T1 và T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam có thời điểm kết thúc từ tháng 12 năm 2024 đến tháng 6 năm 2026;
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

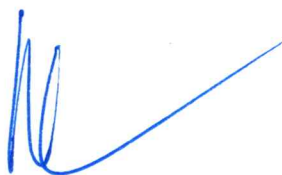
Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
Đến 1 năm	35.818.426.710	14.529.197.600
Từ 1 - 5 năm	24.015.256.584	11.724.521.812
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>59.833.683.294</u></b>	<b><u>26.253.719.412</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho Quý 4 năm 2023 kết thúc cùng ngày

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty



Trần Văn Hưng  
Người lập



Đào Ngọc Thiết  
Kế toán trưởng



Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 01 năm 2024

